

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Ông Hoàng Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Xuân Th, sinh năm 1983.

Trú tại: tổ 18, khu phố P, phường A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm: 1983.

Trú tại: Tổ 12, ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trịnh Xuân Th trình bày:

Chị Trịnh Xuân Th và anh Nguyễn Quốc K, sau thời gian tìm hiểu, có về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K ngoại tình, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị Th và anh K đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay tình

cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Th và anh K có 01 con chung là Nguyễn Thảo Khánh V, sinh năm 2009. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Ngày 27/6/2019, chị Th rút yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại đơn xin vắng mặt do anh Nguyễn Quốc K gửi đến ngày 24/7/2019, anh K trình bày:

Anh K đồng ý ly hôn với chị Th và đồng ý để chị Th nuôi con chung, anh K sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: về cơ bản, Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện hết các nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: chị Trịnh Xuân Th và anh Nguyễn Quốc K có đăng ký kết hôn tại UBND T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước). Chị Th yêu cầu ly hôn và anh K đồng ý. Đề nghị Tòa chấp nhận cho chị Th ly hôn với anh K.

Chị Th với anh K có 01 con chung, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Cháu Nguyễn Thảo Khánh V cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao 01 con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Xuân Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc K, cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị Th, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Xuân Th thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị Th tại bản tự khai ngày 12/3/2019 cùng lời khai tại biên bản hòa giải có trong hồ sơ thấy rằng: chị Th và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước vào năm 2009. Quá trình chung sống, do anh K ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị Th đã nhiều lần khuyên bảo, cho anh K cơ hội nhưng anh K không sửa đổi. Chị Th và anh K đã không còn sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay, chị Th đã không còn tình cảm với anh K, mục đích của việc hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh K. Tòa án đã triệu tập anh K lên làm việc nhiều lần nhưng anh K không có mặt, chứng tỏ anh K không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn, kéo dài cuộc sống hôn nhân với chị Th. Chị Th yêu cầu ly hôn, tại đơn xin giải quyết vắng mặt của anh K gửi đến Tòa ngày 24/7/2019, anh K đồng ý ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các bên, không trái quy định của pháp luật, cần được ghi nhận. Yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị Th và anh K có 01 con chung là Nguyễn Thảo Khánh V, sinh năm 2009. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu V có nguyện vọng sống chung với chị Th, anh K cũng đồng ý để chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc giao con chung Nguyễn Thảo Khánh V cho chị Th nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: theo đơn khởi kiện, chị Th yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần đình chỉ giải quyết về phần này. Tuy nhiên, tại đơn xin vắng mặt, anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000đ, đây là sự tự nguyện của anh K, không trái với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

Về tài sản chung: chị Th khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: chị Th khai không có, anh K không trình bày có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; ; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trịnh Xuân Th và anh Nguyễn Quốc K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 05/6/2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo Khánh V, sinh năm 2009 cho chị Trịnh Xuân Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Xuân Th về việc yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh K về việc anh K cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thảo Khánh V mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2019. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Xuân Th phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005272 ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải